

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM SÁCH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/HSST

Ngày: 16/12/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Bách.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đắc Quýnh và bà Lê Thị Lan Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Đức- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nguyễn- Kiểm sát viên.

Ngày 16/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 64/2020/HSST, ngày 26/11/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HS ngày 02/12/2020 đối với bị cáo:

**Phạm Văn H**, sinh năm 1994;

Nơi ĐKKTT và cư trú: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn K và bà Vũ Thị N; Vợ là Cao Thị Ngọc L; Có 02 con lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú;

Có mặt tại phiên tòa.

**\* Bị hại:** Bà **Bùi Thị T**- sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**\* Những người làm chứng:**

- Chị **Cao Thị Ngọc L**- sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Chị **Nguyễn Thị M**- sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết được nơi để chìa khóa nhà của gia đình bà Bùi Thị T- sinh năm 1964 là hàng xóm liền với nhà của H tại thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Khoảng 14 giờ 15 phút, ngày 12/10/2020, H quan sát thấy nhà bà T không có người ở nhà, cổng và cửa khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H cầm theo 01 máy mài loại nhỏ rồi trèo qua tường sang nhà bà T, đi đến chậu cây cảnh trước cửa nhà tìm được chìa khóa rồi mở cửa nhà tìm tài sản để trộm cắp. H nhìn thấy 01 két sắt màu xanh cao khoảng 80cm ở phía đầu giường phòng đầu tiên. H đã xoay két sắt rồi dùng máy mài để mài phía sau két sắt khoảng 10 phút thì cắt thủng được mặt sau két sắt lỗ thủng có kích thước 20 x 10cm. H dùng tay lục tìm đồ đạc và tài sản trong két sắt. H lấy được 01 hộp nhựa hình tròn màu đỏ bên trong đựng 02 nhẫn vàng 9999 có gắn đá, 02 nhẫn vàng tây hình tròn đính đá, 01 đôi hoa tai vàng tây đính đá. H lấy toàn bộ số tài sản trên đút vào túi quần đang mặc rồi mở cửa lách đi ra ngoài, thấy có 01 mắt camera gắn ở trên tường, H đã dùng tay giật và lấy luôn mắt camera này rồi trèo tường theo lối cũ về nhà. H mang toàn bộ số vàng lấy được ở nhà bà T giấu trong tủ quần áo của H, còn vỏ hộp đựng vàng, mắt camera và chiếc máy mài H đem ra sông KT đoạn gần xã NT vứt đi. Nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nên đến 18 giờ 15 phút cùng ngày H đã đến Công an huyện Nam Sách đầu thú, khai báo về hành vi của mình và giao nộp số vàng đã chiếm đoạt của bà T.

Kết luận giám định số 7122 ngày 13/10/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ công an kết luận: 02 chiếc nhẫn đều bằng kim loại màu vàng trên mỗi chiếc nhẫn đều gắn 07 viên đá nhỏ không màu gửi giám định có tổng khối lượng là 3,40gam (tính cả đá), phần kim loại đều là hợp kim vàng, đồng, kẽm, bạc, hàm lượng trung bình vàng là 57,61%, đồng là 30,43%, bạc là 8,13%, kẽm là 3,83%.

02 chiếc hoa tai đều bằng kim loại màu vàng trên mỗi chiếc đều có các chữ số “KLV 10K“ và gắn 16 viên đá nhỏ không màu gửi giám định có tổng khối lượng là 1,79gam (tính cả đá), phần kim loại đều là hợp kim vàng, đồng, kẽm, bạc, hàm lượng trung bình vàng là 41,93%, đồng là 44,23%, bạc là 6,97%, kẽm là 6,87%.

01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng trên nhẫn có các chữ số 1KLS\*SH và gắn một con vật bằng vật liệu màu vàng gửi giám định có tổng khối lượng là 4,74gam (tính cả con vật), phần kim loại màu vàng là vàng, hàm lượng vàng là 99,60%.

01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng trên nhẫn có các chữ số KLĐT\*1SH và gắn 35 viên đá nhỏ không màu gửi giám định có tổng khối lượng là 3,85gam (tính cả đá), phần kim loại màu vàng là vàng, hàm lượng vàng là 99,55%.

Tại Kết luận định giá tài sản số 23/KLĐGTS ngày 15/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Nam Sách xác định: 02 chiếc nhẫn đều bằng kim loại màu vàng trên mỗi chiếc nhẫn đều gắn 07 viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng là 3,40gam (tính cả đá), hàm lượng vàng là 57,61% có giá 1.660.000đ; 02 chiếc hoa tai gắn 16 viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng là 1,79gam (tính cả đá), hàm lượng vàng là 41,93% có giá 930.000đ; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn một con vật bằng vật liệu màu vàng có tổng khối lượng là 4,74gam (tính cả con vật), hàm lượng vàng là 99,60%, 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng gắn 35 viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng là 3,85gam (tính cả đá), hàm lượng vàng là 99,55% có tổng giá là 10.493.000đ; 01 mắt camera, loại DH-HAC-HDW1200EMF-A-S4 2MP đã qua sử dụng có giá 300.000đ; 01 kết sắt Việt Tiệp K50 loại 145+7kg đã qua sử dụng, bị đục phá phía sau kích thước 20x10cm chi phí sửa chữa 300.000đ.

Về vật chứng: 02 chiếc nhẫn vàng 9999 có gắn đá và linh vật; 02 chiếc nhẫn vàng Tây có gắn đá; chiếc chiếc hoa tai vàng Tây có gắn đá sau khi giám định và định giá, Cơ quan Công an huyện Nam Sách đã giao trả cho bà Bùi Thị T; Đối với chiếc máy mài, 01 mắt camera và chiếc hộp nhựa đựng vàng không truy tìm được.

Về trách nhiệm dân sự: Phạm Văn H đã bồi thường lắp đặt thay thế 01 chiếc camera và 01 chiếc kết sắt mới, bà Bùi Thị T đã nhận và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Bản Cáo trạng số 61/CT-VKS-NS ngày 26/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách đã truy tố và đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và xử mức hình phạt thấp nhất, cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội.

Người bị hại vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết; Về vật chứng: Không phải xử lý. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/10/2020, bị cáo Phạm Văn H đã mở khóa đột nhập vào nhà ở của bà Bùi Thị T- sinh năm 1964 ở thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương, dùng máy mài đã phá kết sắt chiếm đoạt 02 nhẫn vàng 9999, 02 nhẫn vàng tây gắn mặt đá, 01 đôi bông tai vàng tây gắn đá, 01 mắt camera, trị giá 13.383.000đ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của cá nhân, gây mất trật tự và ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích vụ lợi, giá trị tài sản chiếm đoạt là 13.383.000đ. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo Phạm Văn H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy rằng:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo đã bồi thường cho bị hại; Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội bị cáo đã chủ động đầu thú; Bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; Bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo; bị cáo tuổi đời còn trẻ hiện đang có 02 con nhỏ sinh năm 2019 và 2020 trong đó cháu lớn bị bệnh hở hàm ếch bẩm sinh đang phải mổ điều trị lần thứ nhất. Do vậy, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù giam mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Bùi Thị T đã nhận lại toàn bộ số vàng Phạm Văn H chiếm đoạt, đồng ý việc bị cáo Phạm Văn H lắp đặt lại mắt camera, đồng ý nhận kết sắt mới, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không phải giải quyết.

[8] Về vật chứng của vụ án: Số vàng Phạm Văn H chiếm đoạt của bà T, bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan công an, sau khi giám định và định giá cơ quan Công an đã trao trả cho bà T là phù hợp; Chiếc mắt camera cùng máy mài và hộp nhựa đựng vàng bị cáo khai vớt xuống sông KT nên không thu hồi được, không phải giải quyết.

[9] Nhằm chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã làm hư hỏng 01 kết sắt có giá trị thiệt hại 300.000đ, chưa đủ định lượng giá trị thiệt hại để xử lý hình sự. Bị cáo đã bồi thường chiếc kết sắt mới, bị hại không yêu cầu gì nên không xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H **12 (Mười hai)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/12/2020.

Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Nam Hưng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại bà Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc bản án được niêm yết.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Lan Phương      Nguyễn Đắc Quýnh**

**Nguyễn Trọng Bách**

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Nam Sách;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Sách;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Nam Sách;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã Nam Hưng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Bách**